

Bản án số: 48/2020/HS-ST  
Ngày: 24/7/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Anh Vân.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Đào Đình Phúc.**

**Bà Nguyễn Thị Hoài.**

*- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh H.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh H tham gia phiên tòa:*  
**Bà Phạm Thị Xuân- Kiểm sát viên.**

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh H xét xử công khai sơ thẩm, vụ án hình sự thụ lý số: 46/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Trọng K**, sinh năm: 1980 tại tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị M; Có vợ là Nguyễn Thị L và 02 con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **Nguyễn Trọng N**, sinh năm: 1983 tại tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị M; Có vợ là Cao Thị P và 03 con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*- Bị hại: Anh **Phạm Đình T1**, sinh năm 1978; Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh H.*

*- Người làm chứng:*

*+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955. Có mặt.*

- + Cháu Phạm Đăng T2, sinh năm 2003. Vắng mặt.
- + Chị Phạm Thị T3, sinh năm 1999. Vắng mặt.
- + Chị Trương Thị H, sinh năm 1980. Có mặt.
- + Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1968. Vắng mặt.
- + Ông Nguyễn Đức T4, sinh năm 1959. Vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 10/4/2020, anh Phạm Đình T1, sinh năm 1978, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T đi tập thể dục về có cầm thanh tre hình mác chèo dài khoảng 50cm. Khi nhìn thấy Nguyễn Trọng N ở trong nhà, anh T1 gọi N ra cổng, yêu cầu di chuyển đồng hồ nước sạch ra khỏi phần đất nhà anh T1. Thấy vậy, Nguyễn Trọng K là anh trai N và bà Nguyễn Thị M, là mẹ đẻ N từ trong nhà ra cãi chửi nhau với anh T1. Anh T1 cầm thanh tre vụt vào người K. K lao vào đâm đá anh T1, hai bên xô xát với nhau. Khi đó, N dùng viên gạch chỉ đập về phía anh T1 nhưng không vào người. Anh T1 liền chạy về nhà cầm thanh sắt hình hộp dài khoảng 1,4 mét ra để ở phía sau trụ cổng, còn K vào nhà cầm 01 đoạn sắt phi 18 dài khoảng 75cm, một đầu bẹt, một đầu uốn hình còng cua, N cầm 01 con dao phay chuôi gỗ dài khoảng 35cm chạy ra. Hai bên tiếp tục cãi chửi nhau. Anh T1 cầm thanh sắt chạy ra vụt nhiều nhát về phía K, N. Bà M vào can ngăn thì bị anh T1 xô ngã ra đường. Anh T1 bỏ chạy thì bị K đuổi theo dùng thanh sắt vụt 01 nhát vào đỉnh đầu, N dùng dao đập 01 nhát vào sau lưng. Hậu quả anh T1 bị thương được đưa đi sơ cứu, cấp cứu và điều trị từ ngày 10/4/2020 đến ngày 21/4/2020 tại Bệnh viện Quân y 7.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 121/TgT ngày 13/5/2020 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh H kết luận: Sẹo vết thương phần mềm vùng đầu ở đỉnh thái dương trái kích thước (3,5 x 1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: **02 %**.

Anh T1 có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Trọng K và Nguyễn Trọng N.

Tại bản Cáo trạng số: 47/CT-VKS ngày 29 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh H truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng K, Nguyễn Trọng N về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

### **Tại phiên tòa:**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 17, Điều 58; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo K, N; Khoản 1, 2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo K; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135, 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng của Tòa án.

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trọng K, Nguyễn Trọng N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Trọng K từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng. Giao bị cáo K cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

+ Bị cáo Nguyễn Trọng N từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; Khấu trừ thu nhập từ 10% đến 15%.

- Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền viện phí, tiền thuốc và tiền mất thu nhập của bị hại và người chăm sóc trong thời gian điều trị tại bệnh viện với số tiền là 13 triệu đồng. Ngoài ra, bị hại không yêu cầu bồi thường khoản tiền nào khác.

Trước khi xét xử các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền bồi thường 13 triệu đồng tại Chi cục thi hành án dân sự tỉnh H. Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với yêu cầu bồi thường 13 triệu đồng của bị hại. Các bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường.

- Về xử lý vật chứng: Đối với những công cụ, phương tiện mà bị cáo, bị hại sử dụng khi xô xát gồm: 01 thanh tre dài 50cm; 01 thanh sắt dài 75 cm (một đầu đánh bẹt, một đầu uốn cong hình còng cua); 01 con dao phay vuông bằng sắt bản rộng 10cm, dài 35cm, chuôi dao bằng gỗ; 02 nửa viên gạch chỉ; 01 thanh sắt dài 1,4m bị cong phần giữa. Xét những vật chứng này đều không có giá trị, cần tịch thu cho tiêu hủy.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự với số tiền là 13 triệu đồng. Các bị cáo nhất trí và bồi thường toàn bộ số tiền trên nhưng bị hại từ chối không nhận. Các bị cáo đã nộp số tiền bồi thường 13 triệu đồng tại cơ quan thi hành án dân

sự huyện Thanh Miện, tỉnh H. Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí bồi thường số tiền 13 triệu đồng theo yêu cầu của bị hại.

Bị hại anh Phạm Đình T1 trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi tố đối với Nguyễn Trọng N và Nguyễn Trọng K về hành vi cố ý gây thương tích. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, yêu cầu các bị cáo bồi thường cho bị hại các khoản tiền gồm tiền viện phí, tiền thuốc và tiền mất thu nhập của bị hại và người chăm sóc trong thời gian nằm điều trị tại bệnh viện với tổng số tiền là 13 triệu đồng. Ngoài ra, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 20 ngày 10/4/2020, tại cổng nhà anh Phạm Đình T1, sinh năm 1978 ở thôn Đ, xã T, huyện T, do mâu thuẫn, cãi nhau về việc di chuyển đồng hồ nước sạch giữa anh T1 và gia đình nhà bà Nguyễn Thị M, bị cáo Nguyễn Trọng K đã có hành vi dùng 01 thanh xà cày bằng sắt đập vào đầu, Nguyễn Trọng N dùng 01 viên gạch đập trượt và dùng 01 dao phay đập vào lưng anh T1. Hậu quả anh T1 bị tổn thương cơ thể 02%.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ.

Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng do mâu thuẫn, bức xúc với bị hại, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Mặc dù thương tích của bị hại anh Phạm Đình T1 là 02%, nhưng do Nguyễn Trọng K dùng thanh xà cày bằng sắt gây thương tích cho anh T1. Theo hướng dẫn tại tiêu mục 3.1, mục 3 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thanh sắt, dao

phay, gạch đá... được coi là “hung khí nguy hiểm”. Nguyễn Trọng N biết Nguyễn Trọng K dùng hung khí nguy hiểm đánh anh T1, mặc dù không có sự bàn bạc thống nhất từ trước nhưng N tiếp nhận ý chí của K, cầm gạch, cầm dao cùng với K đuổi đánh anh T1. Do vậy, hành vi của K và N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh H truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Khi xem xét, quyết định hình phạt, HĐXX thấy:

Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ của những người thực hiện hành vi phạm tội, là đồng phạm giản đơn. Nguyễn Trọng K trực tiếp gây thương tích cho bị hại, là người thực hành tích cực, nên giữ vai trò chính, Nguyễn Trọng N là đồng phạm.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; Các bị cáo gây thương tích 02% cho bị hại, nhưng do dùng hung khí nguy hiểm lên phạm tội, do vậy được coi là gây thiệt hại không lớn. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị hại cũng có một phần lỗi để xảy ra việc xô xát, đánh nhau. Quá trình điều tra, các bị cáo nhất trí và thực hiện việc bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại nhưng bị hại từ chối không nhận. Các bị cáo đã giao nộp số tiền 13 triệu đồng tại Cơ quan thi hành án để thực hiện N vụ bồi thường cho bị hại. Do vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội ít nghiêm trọng. Gây thương tích cho bị hại tỷ lệ 02% là không lớn. HĐXX thấy không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung có hiệu quả.

Đối với bị cáo N do không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, hiện nuôi 03 con còn nhỏ. Do vậy, HĐXX cần miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại bị thương tích 02% và phải điều trị tại Bệnh viện Quân y 7 từ ngày 10/4/2020 đến ngày 21/4/2020. Bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường các khoản gồm:

- Tiền viện phí, tiền thuốc là 7.000.000 đồng.
- Thu nhập thực tế bị mất trong thời gian nằm điều trị của bị hại và thu nhập thực tế bị mất của chị Trương Thị H (Vợ bị hại), người chăm sóc bị hại là 6.000.000 đồng.

Tổng số tiền là 13.000.000 đồng. Ngoài ra, bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác.

Các bị cáo tự nguyện nhất trí với yêu cầu bồi thường của bị hại. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các bị cáo đã tự nguyện nộp 13.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh H để thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho bị hại. HĐXX cần ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo về phân trách nhiệm dân sự. Các bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 thanh tre dài 50cm; 01 thanh xà cày bằng sắt dài 75 cm (một đầu đánh bẹt, một đầu uốn cong hình còng cua); 01 con dao phay vuông bằng sắt bản rộng 10cm, dài 35cm, chuôi dao bằng gỗ; 02 nửa viên gạch chỉ; 01 thanh sắt dài 1,4m bị cong phần giữa là các công cụ, hung khí mà bị cáo, bị hại sử dụng khi xô xát, đánh nhau. Xét những vật chứng trên không có giá trị, cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955, trú tại: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh H: Khi xảy ra xô xát giữa các bị cáo và bị hại, bà M vào can ngăn, không có hành vi cổ vũ, kích động các bị cáo và không có hành vi gây thương tích cho anh T1 nên không xem xét xử lý là phù hợp.

[6] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì các bị cáo đã nộp tiền tại Chi cục thi hành án để thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bồi thường cho bị hại trước khi mở phiên tòa nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 17, Điều 58; Điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo Nguyễn Trọng K, Nguyễn Trọng N; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng K; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng N.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Các Điều 584, 585, 587, 590 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng của Tòa án.

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Trọng K, Nguyễn Trọng N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng K **07** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng K cho UBND xã T, huyện T, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N 09 tháng Cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Trọng N.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng N cho UBND xã T, huyện T, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Ghi nhận sự tự thống nhất giải quyết về trách nhiệm dân sự giữa bị hại và các bị cáo cụ thể: Các bị cáo Nguyễn Trọng K, Nguyễn Trọng N có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại anh Phạm Đình T1, sinh năm 1978, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh H tổng số tiền 13.000.000 đồng (gồm: Tiền viện phí, tiền thuốc 7.000.000 đồng. Thu nhập thực tế bị mất của bị hại và thu nhập thực tế bị mất của chị Trương Thị H, người chăm sóc bị hại là 6.000.000 đồng).

Đổi trừ số tiền 13.000.000 đồng mà các bị cáo đã giao nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh H.

Các bị cáo Nguyễn Trọng K, Nguyễn Trọng N đã thực hiện xong N vụ bồi thường cho bị hại anh Phạm Đình T1.

Trả lại anh Phạm Đình T1, sinh năm 1978, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh H số tiền 13.000.000 đồng. Số tiền này hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo Biên lai thu tiền số AA/2011/07712 ngày 23/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh H.

**3. Về xử lý vật chứng:** Tịch thu cho tiêu hủy 01 thanh tre dài 50cm; 01 thanh xà cày bằng sắt dài 75 cm (một đầu đánh bẹt, một đầu uốn cong hình còng cưa); 01 con dao phay vuông bằng sắt bản rộng 10cm, dài 35cm, chuôi dao bằng gỗ; 02 nửa viên gạch chỉ; 01 thanh sắt dài 1,4m bị cong phần giữa.

Vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, theo “*Biên bản giao nhận vật chứng*” ngày 29/6/2020 giữa Cơ quan công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh H.

**4. Về án phí:** Các bị cáo Nguyễn Trọng K, Nguyễn Trọng N mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Viện kiểm sát ND tỉnh H;
- CQTHAHS-Công an tỉnh H;
- CQCSĐT-Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư Pháp tỉnh H;
- Các bị cáo; Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lại Anh Vân**